

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.096.537.524.877	4.837.002.006.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.542.125.976.018	1.947.090.450.986
1. Tiền	111	VI.01	1.052.125.976.018	806.860.450.986
Trong đó :				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			876.080.433.173	695.231.794.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.490.000.000.000	1.140.230.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.663.023.010.117	2.097.809.872.532
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	1.820.751.591.434	2.292.163.797.759
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(157.728.581.317)	(194.353.925.227)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		881.672.511.842	784.596.795.412
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.09	420.913.371.157	500.024.123.162
2. Trả trước cho người bán	132	VI.11	6.659.665.031	4.092.973.299
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.09	27.305.564.714	7.317.649.764
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.09	484.161.457.515	339.346.884.820
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.12	(57.367.546.575)	(66.184.835.633)
IV. Hàng tồn kho	140			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.716.026.900	7.504.887.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.613.318.639	5.092.189.783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		58.891.766	119.318.128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	464.966.248
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.043.816.495	1.828.413.519

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		3.342.596.373.044	3.143.873.895.267
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		137.779.023.896	145.252.092.780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	21.098.650.865	24.094.347.697
<i>Nguyên giá</i>	222		78.698.639.099	96.015.355.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(57.599.988.234)	(71.921.008.009)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.07	116.680.373.031	121.157.745.083
<i>Nguyên giá</i>	228		156.735.350.526	156.277.513.279
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(40.054.977.495)	(35.119.768.196)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản tư	240	VI.06	262.939.459.054	269.347.115.777
<i>Nguyên giá</i>	241		283.612.736.520	283.612.736.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(20.673.277.466)	(14.265.620.743)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.863.308.647.262	2.646.569.834.634
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	1.363.412.320.820	1.216.460.435.248
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		1.094.422.629.265	1.056.730.351.972
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1.094.422.629.265	1.056.730.351.972
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548.616.990.000	548.616.990.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(143.143.292.823)	(175.237.942.586)
V. Tài sản dài hạn khác	260		78.569.242.832	82.704.852.076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.04	2.124.338.260	8.861.760.393
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		52.789.729.566	52.687.916.677
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.08	17.482.911.796	14.982.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.172.263.210	6.172.263.210
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.439.133.897.921	7.980.875.901.875

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.180.527.055.025	2.705.603.684.581
I. Nợ ngắn hạn	310		3.147.980.649.553	2.677.707.415.060
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	74.841.302.311	357.728.021.077
2. Phải trả người bán	312		442.402.887	10.237.833.415
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	120.416.845.307	99.049.773.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	15.167.366.225	18.718.850.445
5. Phải trả người lao động	315		18.887.140	53.077.997
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	16.192.798.873	9.183.790.553
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	1.958.869.486.678	1.189.788.103.106
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.16	861.731.255.350	911.725.652.287
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.18	8.322.960.662	4.474.923.850
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		605.427.160	605.427.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		90.409.940.876	75.065.576.088
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		961.976.084	1.076.385.332
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32.546.405.472	27.896.269.521
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		682.499.185	743.715.145
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		31.863.906.287	27.152.554.376
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.19	5.175.144.889.584	5.191.573.047.865
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.175.144.889.584	5.191.573.047.865
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.537.949.420.000	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.944.356.378	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(4.810.865.370)	(2.605.677.770)
4. Cổ phiếu quỹ	414		(89.246.317.760)	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		335.813.119.252	289.383.181.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.050.495.177.084	1.127.002.833.821
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	430		83.461.953.312	83.699.169.429
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)	440		8.439.133.897.921	7.980.875.901.875

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12.911.326.570.000	13.269.603.970.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		11.614.585.150.000	11.763.352.280.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		998.202.620.000	1.271.769.300.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		8.986.708.590.000	8.854.342.330.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.629.673.940.000	1.637.240.650.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		147.560.090.000	179.044.560.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	300.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		147.015.090.000	173.199.560.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		545.000.000	5.545.000.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		730.953.550.000	646.344.340.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		730.953.550.000	646.344.340.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		320.021.440.000	169.698.350.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		6.944.100.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		302.675.140.000	164.999.950.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		10.402.200.000	4.698.400.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		98.206.340.000	511.164.440.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		93.929.530.000	506.797.630.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		4.276.810.000	4.366.810.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047			
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		805.149.830.000	839.705.300.000
	Trong đó:				
7.1	Chứng khoán giao dịch	051		708.546.390.000	794.415.700.000
7.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		9.480.470.000	9.482.930.000
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		663.838.520.000	757.037.570.000
7.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		35.227.400.000	27.895.200.000
7.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		61.943.000.000	7.995.000.000
7.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		59.943.000.000	6.995.000.000
7.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		1.000.000.000	-
7.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3	Chứng khoán cầm cố	061		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32.580.440.000	32.580.440.000
7.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4	Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1	Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4	Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5	Chứng khoán chờ thanh toán	071		2.080.000.000	4.714.160.000
7.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		2.080.000.000	4.714.160.000
7.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4	Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4	Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2013
 P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		177.147.410.534	181.134.346.972	522.506.847.710	576.378.771.672
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		27.802.880.600	21.956.345.791	97.416.391.278	87.217.390.696
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.20	45.012.254.635	63.547.207.205	121.035.972.893	174.435.105.301
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		68.182	24.000.000	4.580.621	29.061.000
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ			676.135.344	1.338.632.970	1.627.730.042	12.364.130.732
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		5.774.427.656	5.973.586.195	13.511.646.804	21.667.574.049
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.283.765.919	1.261.327.744	4.048.625.610	3.741.820.070
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		2.952.345.353	3.531.749.246	7.099.422.617	10.009.632.772
	Doanh thu khác	01.9	VI.21	93.645.532.845	83.501.497.821	277.762.477.845	266.914.057.052
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		177.147.410.534	181.134.346.972	522.506.847.710	576.378.771.672
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.22	86.258.600.919	129.989.727.758	261.510.031.024	333.730.059.905
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		104.509.541.646	91.036.395.181	339.047.313.757	378.296.987.098
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		(18.250.940.727)	38.953.332.577	(77.537.282.733)	(44.566.927.193)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		90.888.809.615	51.144.619.214	260.996.816.686	242.648.711.767
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	2.595.477.389	8.291.065.250	8.258.755.964	13.239.256.784
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		88.293.332.226	42.853.553.964	252.738.060.722	229.409.454.983
8	Thu nhập khác	31	VI.24	18.819.481.465	2.353.301	51.827.232.984	4.906.986.516
9	Chi phí khác	32	VI.24	6.114.049	6	72.287.360	657.594.670
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		18.813.367.416	2.353.295	51.754.945.624	4.249.391.846
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	50		11.423.288.863	16.809.970.498	112.283.894.251	89.038.637.060
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		118.529.988.505	59.665.877.757	416.776.900.597	322.697.483.889
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		11.287.201.964	1.944.115.640	61.944.267.404	77.733.158.467
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		12.949.838.228	11.183.528.889	4.609.539.085	(56.120.282.553)
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	70		94.292.948.313	46.538.233.228	350.223.094.108	301.084.607.975
15.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			88.804.199	1.233.273.023	(237.215.965)	1.286.964.318
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			94.204.144.114	45.304.960.205	350.460.310.073	299.797.643.657
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80					

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Ban hành theo T. Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Đây	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	416.776.900.596	322.697.483.891
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(241.776.886.818)	(169.996.002.247)
- Khấu hao tài sản cố định	02	19.062.181.823	24.133.875.795
- Các khoản lập dự phòng	03	(77.537.282.733)	(38.565.677.193)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(185.981.671.068)	(157.144.031.904)
- Chi phí lãi vay	06	2.679.885.159	1.579.831.055
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	175.000.013.778	152.701.481.644
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(169.903.865.752)	(75.899.401.102)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	443.580.843.599	(1.003.724.287.215)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	719.240.416.733	1.219.757.616.807
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	6.739.504.783	8.659.119.487
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.160.893.898)	(1.396.833.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(59.691.321.390)	(70.502.205.322)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	200.426.722
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.535.597.902)	(13.855.633.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.098.269.099.951	215.940.283.649
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.344.465.470)	(6.725.586.309)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.827.272.727	1.665.760.606
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(61.530.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.218.106.711	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(241.975.841.831)	(364.215.658.894)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	234.020.784.244	338.311.869.141
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	119.348.955.226	168.222.729.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	113.564.811.607	137.259.113.765

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.854.880.000	-
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31a	-	6.000.000.000
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(131.760)	(654.900.000)
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	1.592.975.237.053	607.208.530.864
5. Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư	34	-	-
6. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	(1.875.861.955.819)	(429.251.580.802)
7. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	-	-
8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	(349.766.416.000)	(85.038.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(616.798.386.526)	183.217.011.562
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	595.035.525.032	536.416.408.976
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.947.090.450.986	1.945.764.811.547
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.542.125.976.018	2.482.181.220.523

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc

Nguyễn Hồng Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	11.832.000.000	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	4.022.880.000	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2.605.677.770)	-	2.205.187.600	(4.810.865.370)
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.186.000)	(131.760)	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	46.429.937.816	-	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.127.002.833.821	350.460.310.073	426.967.966.810	1.050.495.177.084
Cộng		5.191.573.047.865	412.744.996.129	429.173.154.410	5.175.144.889.584

CHỈ TIÊU - 9 tháng năm 2012	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	-	-	3.526.117.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	-	-	340.921.476.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		383.614.879	3.138.290.782	4.351.381.906	(829.476.245)
4. Cổ phiếu quỹ		(88.591.286.000)	(654.900.000)	-	(89.246.186.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	-	-	289.383.181.436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.012.450.891.924	299.797.643.658	349.747.436.264	962.501.099.318
Cộng		5.080.665.298.617	302.281.034.440	354.098.818.170	5.028.847.514.887

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2013

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2013 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư .
4. **Tổng số nhân viên** : 429
5. **Công ty con** :
Tại ngày 30/09/2013, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.

+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .

+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- Quỹ đầu tư thành viên SSI được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản

+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)

+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.) được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ

+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm

6. Công ty liên kết:

Tại ngày 30/09/2013 Công ty có 10 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty CP Hùng Vương (HVG):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Hùng Vương là 396.271.909.116 đồng, chiếm 20.01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của HVG và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Hùng Vương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của HVG là 1.199.999.930.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản, Sản xuất thức ăn (thủy sản, chăn nuôi), kinh doanh kho lạnh.

Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 78.492.602.086 đồng, chiếm 20.22% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 200.500.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 84.426.705.581 đồng, chiếm 25.64% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 139.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc, Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là 72.621.113.434 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của NSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của NSC là 100.298.380.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp, Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại nông sản, vật tư thiết bị nông nghiệp, Chế biến, kinh doanh nông sản, Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ du lịch, Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa và kinh doanh xăng dầu.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là 94.206.176.391 đồng, chiếm 20.07% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.780.005 đồng, chiếm 20.02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/6/2012. Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

Trang 2

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 200.600.876.538 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 366.249.090.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...

CTCP Transimex-Saigon (TMS):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Transimex-Saigon là 96.644.903.926 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của TMS và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Transimex-Saigon là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của TMS là 230.738.240.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.

CTCP Bibica (BBC):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Bibica là 51.491.751.919 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BBC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Bibica là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của BBC là 154.207.820.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo, xuất khẩu các sản phẩm bánh kẹo và các hàng hoá khác.

CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):

Tại thời điểm ngày 30/09/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.658.069.943 đồng, chiếm 20.11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 132.827.530.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 3/2013 so với cùng kỳ năm trước:

Lợi nhuận sau thuế quý 3/2013 của công ty là **94.204.144.114** đồng, tăng 108% so với quý 3/2012 (quý 3/2012 là **45.304.960.205** đồng) chủ yếu do chi phí dự phòng Quý 3/2013 giảm đến 146.9% so với chi phí dự phòng của Quý 3/2012 với mức giảm 57.204.273.304 đồng với sự tác động của thị giá chứng khoán ngày 30.09.2013 tăng so với thị giá chứng khoán tại ngày 30.9.2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau (theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính):

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 09 năm 2013.

9. Đầu tư vào các công ty, quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể (Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

14. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

16. Ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Ngân hàng đầu tư và khác	Tổng cộng
Quý 3 Năm 2013						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	44.806.034.399	56.435.543.497	95.582.394.964	676.135.344	8.726.841.191	206.226.949.395
2. Các chi phí trực tiếp	10.136.926.381	(18.106.945.362)	39.341.129.639	468.778.185	449.910.932	32.289.799.775
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	34.880.361.556	5.743.700.214	3.220.989.150	6.101.893.919	5.460.216.275	55.407.161.115
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	(211.253.538)	68.798.788.645	53.020.276.175	(5.894.536.760)	2.816.713.984	118.529.988.505
<i>Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013</i>						
1. Tài sản bộ phận	1.252.035.091.913	3.746.413.965.045	3.044.336.602.590	767.874.795	3.382.024.668	8.046.935.559.011
2. Tài sản phân bổ	117.743.525.970	11.825.768.984	2.570.819.344	13.368.260.590	10.283.277.377	155.791.652.266
3. Tài sản không phân bổ						236.406.686.644
Tổng tài sản	1.369.778.617.883	3.758.239.734.029	3.046.907.421.934	14.136.135.385	13.665.302.045	8.439.133.897.921
1. Nợ phải trả bộ phận	858.458.041.880	132.096.427.418	2.033.031.500.628	-	5.831.426.519	3.029.417.396.445
2. Nợ phân bổ	68.343.899.722	6.864.234.470	1.492.224.885	7.759.569.401	5.968.899.539	90.428.828.016
3. Nợ không phân bổ						60.680.830.564
Tổng công nợ	926.801.941.602	138.960.661.888	2.034.523.725.513	7.759.569.401	11.800.326.058	3.180.527.055.025

Đơn vị tính: VND

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2 đến 4%). Do đó, không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VND)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	190.605.364	157.236.602
Tiền gửi ngân hàng	1.051.935.370.654	806.703.214.384
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	876.080.433.173	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	1.490.000.000.000	1.140.230.000.000
Cộng	2.542.125.976.018	1.947.090.450.986

2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
Tại ngày 30/09/2013					
I. Chứng khoán thương mại	45.494.136	704.751.591.434	-	(157.728.581.317)	547.023.010.117
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	30.159.199	493.271.903.694		(95.277.202.146)	397.994.701.548
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	15.334.937	211.479.687.740		(62.451.379.171)	149.028.308.569
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.116.000.000.000	-	-	1.116.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.116.000.000.000	-	-	1.116.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	26.662.795	1.094.422.629.265	-	(50.036.115.324)	1.044.386.513.941
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	26.662.795	1.094.422.629.265	-	(50.036.115.324)	1.044.386.513.941
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	12.001.245	307.068.187.756		(15.435.753.734)	291.632.434.022
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	8.481.515	131.989.207.167		(34.600.361.590)	97.388.845.577
<i>Trái phiếu</i>	6.180.035	655.365.234.342		-	655.365.234.342
IV. Đầu tư góp vốn	56.490.107	1.363.412.320.820	-	-	1.363.412.320.820
- Vốn góp liên doanh, liên kết	56.490.107	1.363.412.320.820	-	-	1.363.412.320.820
V. Đầu tư tài chính khác	12.673.997	548.616.990.000	-	(93.107.177.498)	455.509.812.502
- Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000	-	(93.107.177.498)	455.509.812.502
Tại ngày 31/12/2012					
I. Chứng khoán thương mại	34.662.506	589.163.797.288	-	(194.353.925.229)	394.809.872.059
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	30.793.624	477.229.343.418		(147.309.314.210)	329.920.029.208
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.743.882	99.434.453.870		(47.044.611.019)	52.389.842.851
<i>Trái phiếu</i>	125.000	12.500.000.000		-	12.500.000.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
III. Chứng khoán đầu tư	24.290.220	1.056.730.351.972	-	(82.059.042.586)	974.671.309.386
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.290.220	1.056.730.351.972	-	(82.059.042.586)	974.671.309.386
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	10.234.553	258.115.910.459		(53.348.175.958)	204.767.734.501
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	7.750.632	131.989.207.171		(28.710.866.628)	103.278.340.543
<i>Trái phiếu</i>	6.305.035	666.625.234.342		-	666.625.234.342
IV. Đầu tư góp vốn	43.612.363	1.216.460.435.650	-	-	1.216.460.435.650
- Vốn góp liên doanh, liên kết	43.612.363	1.216.460.435.650	-	-	1.216.460.435.650
V. Đầu tư tài chính khác	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000
- Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết				
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(23.680.687.241)	101.006.375.000
PVS	3.001.722	48.878.406.463	(253.535.389)	48.624.871.074
SVC	2.335.469	48.769.733.377	(14.671.885.978)	34.097.847.399
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(52.545.372.241)	13.247.572.932
VNM	20.007	2.823.043.208	(2.056.208)	2.820.987.000
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.806.284.300)	376.445.700
NBP	10.000	220.298.415	(80.298.415)	140.000.000
BHV	6.054	253.765.058	(233.181.458)	20.583.600
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.900.916)	807.600
Cộng niêm yết	22.517.414	295.612.692.451	(95.277.202.146)	200.335.490.305
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.802.200.000)	197.800.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Nung Cháy Văn Điển	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tụ Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
Cộng chưa niêm yết	3.568.166	89.417.258.171	(62.451.379.171)	26.965.879.000
Tổng cộng	26.085.580	385.029.950.622	(157.728.581.317)	227.301.369.305
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết				
VHL	1.244.939	21.801.196.622	(8.978.324.923)	12.822.871.699
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(62.091.562.241)	62.595.500.000
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
SVC	2.345.442	48.978.224.783	(17.080.213.584)	31.898.011.199
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(54.045.084.241)	11.767.937.285
Cổ phiếu khác	639.315	18.859.319.552	(2.485.783.851)	16.373.535.701
Cộng niêm yết	21.421.823	286.572.880.294	(147.309.314.210)	139.263.566.084
Cổ phiếu chưa niêm yết				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
CTCP Phân Lân Nung Cháy Văn Điển	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
CTCP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.719)	2.148.139.999
Công ty CP Đầu tư Kim Tụ Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
Cộng chưa niêm yết	3.672.639	92.372.742.518	(47.044.611.019)	45.328.131.499
Tổng cộng	25.094.462	378.945.622.812	(194.353.925.229)	184.591.697.583

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2013				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết				
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(8.983.554.584)	29.503.084.000
FPT	2.139.730	97.783.783.001	(1.281.960.001)	96.501.823.000
PVS	671.400	10.897.354.343	(20.674.343)	10.876.680.000
LAS	669.300	23.349.117.770	(191.337.770)	23.157.780.000
VHL	1.241.800	21.674.710.198	(4.786.230.198)	16.888.480.000
ABT	547.098	20.688.124.218	(171.996.838)	20.516.127.380
Cộng niêm yết	6.404.062	212.879.728.114	(15.435.753.734)	197.443.974.380
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.602.398.500)	5.052.427.900
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(5.651.250.000)	31.848.750.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	49.160	2.686.480.000	(154.740.000)	2.531.740.000
- CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.123.190.000)	1.916.030.000
- CTCP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.019.179.000)	10.781.841.000
Cộng chưa niêm yết	7.081.515	100.206.207.174	(34.600.361.590)	65.605.845.584
Tổng cộng	13.485.577	313.085.935.288	(50.036.115.324)	263.049.819.964
Tại ngày 31/12/2012				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
Cổ phiếu niêm yết				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
FPT	1.498.500	70.720.795.792	(17.973.595.792)	52.747.200.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(318.357.299)	23.110.038.000
NET	183.500	7.070.398.793	(5.648.793)	7.064.750.000
Cộng niêm yết	6.753.152	196.641.198.954	(53.348.175.958)	143.293.022.996
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000
Các cổ phiếu khác	5.418.492	81.966.987.174	(14.014.641.628)	67.952.345.546
Cộng chưa niêm yết	6.350.632	100.206.207.174	(28.710.866.628)	71.495.340.546
Tổng cộng	13.103.784	296.847.406.128	(82.059.042.586)	214.788.363.542

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
Tại ngày 30/09/2013				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(704.177.498)	9.295.822.502
Cộng	11.173.998	533.617.000.000	(93.107.177.498)	440.509.822.502
Tại ngày 31/12/2012				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
Cộng	11.167.000	533.617.000.000	(93.178.900.000)	440.438.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 như sau:

Công ty liên kết	Giá gốc của khoản đầu tư	Số cuối kỳ	Số đầu năm	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP XNK Thủy Hải Sản Bến Tre	-	-	112.184.115.815	0,00%	0,00%
Công ty CP Hùng Vương	396.271.909.116	464.003.385.481	446.226.979.256	20,01%	20,00%
Công ty CP Xuyên Thái Bình	78.492.602.086	112.046.051.266	66.343.313.982	20,22%	20,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	84.426.705.582	81.116.126.637	80.423.308.230	25,64%	25,60%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	72.621.113.434	73.294.850.306	71.161.019.957	20,00%	19,95%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.206.176.391	87.820.529.675	89.591.299.013	20,07%	20,02%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.780.005	33.368.948.493	35.042.388.806	20,02%	20,00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	200.600.876.538	173.040.605.737	200.600.757.738	20,00%	20,00%
CTCP Transimex-Saigon	96.644.903.926	125.099.194.468	114.887.252.451	20,00%	20,00%
CTCP Bibica	51.491.751.919	97.023.648.714	-	20,00%	20,00%
CTCP Khử Trùng VN	97.658.069.943	116.598.980.044	-	20,11%	20,10%
Cộng	1.216.911.888.940	1.363.412.320.820	1.216.460.435.248		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận/ (Lỗ) phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết (bao gồm (lợi thế)/bất lợi thương mại phát sinh tại ngày mua và phần chia sẽ lãi/(lỗ) trong năm kể từ ngày mua) được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn ngày 30 tháng 09 năm 2013 như sau:

Công ty liên kết	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	(1.685.633.320)
Công ty CP Hùng Vương	30.477.054.071
Công ty CP Xuyên Thái Bình	5.386.917.805
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	2.929.802.614
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	7.165.620.350
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	1.235.002.615
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	(1.673.450.475)
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	(14.374.641.401)
CTCP Transimex-Saigon	14.365.389.097
CTCP Bibica	45.531.896.795
CTCP Khử Trùng VN	22.925.936.101
Kết quả ròng	112.283.894.251

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	1.254.232.070	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	870.106.190	1.963.484.017
Cộng	2.124.338.260	8.861.760.393

5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	1.964.378.397	96.015.355.706
Tăng trong kỳ	-	386.633.000	5.837.043.400	17.600.000	6.241.276.400
Mua trong kỳ	-	386.633.000	5.837.043.400	17.600.000	6.241.276.400
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(18.138.268.852)	(4.500.989.400)	(918.734.755)	(23.557.993.007)
Bán thanh lý	-	(239.900.601)	(4.483.694.400)	-	(4.723.595.001)
Phân loại lại	-	(17.898.368.251)	(17.295.000)	(918.734.755)	(18.834.398.006)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	2.609.391.520	60.521.742.534	14.504.261.403	1.063.243.642	78.698.639.099
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	1.751.576.383	71.921.008.009
Tăng trong kỳ	336.951.864	6.336.619.529	947.026.992	62.962.539	7.683.560.924
Khấu hao	336.951.864	6.336.619.529	947.026.992	62.962.539	7.683.560.924
Giảm trong kỳ	-	(16.749.419.867)	(4.460.900.882)	(794.259.950)	(22.004.580.699)
Bán thanh lý	-	(237.940.601)	(4.444.566.725)	-	(4.682.507.326)
Phân loại lại	-	(16.511.479.266)	(16.334.157)	(794.259.950)	(17.322.073.373)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	2.090.601.629	48.088.965.810	6.400.141.823	1.020.278.972	57.599.988.234
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	212.802.014	24.094.347.697
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	518.789.891	12.432.776.724	8.104.119.580	42.964.670	21.098.650.865

(*) Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

6. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VNĐ)

Đây là giá trị các toà nhà mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	20.673.277.466	14.265.620.743
Giá trị còn lại	262.939.459.054	269.347.115.777

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
Tăng trong kỳ	504.479.000	-	-	504.479.000
Mua mới	504.479.000	-	-	504.479.000
Giảm trong kỳ	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Phân loại lại	(46.641.753)	-	-	(46.641.753)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	45.407.215.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.735.350.526
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.524.372.300	-	1.595.395.896	35.119.768.196
Tăng trong kỳ	4.941.658.145	-	30.990.672	4.972.648.817
Khấu hao	4.941.658.145	-	30.990.672	4.972.648.817
Giảm trong kỳ	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Phân loại lại	(37.439.518)	-	-	(37.439.518)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	38.428.590.927	-	1.626.386.568	40.054.977.495
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.425.006.291	109.671.558.000	61.180.792	121.157.745.083
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	6.978.624.911	109.671.558.000	30.190.120	116.680.373.031

(*) Phân loại lại từ tài sản cố định sang chi phí trả trước theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21 tháng 5 năm 2013 về việc đính chính Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
Cộng	17.482.911.796

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	420.913.371.157	500.024.123.162
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	1.300.000.000
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	337.373.897.088	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	18.598.753.184	203.554.006.741
- Phải thu phí tư vấn	3.815.324.668	34.703.719.489
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	767.874.795	96.212.146
- Phải thu trái phiếu Vinashin và giá trị chứng khoán còn lại của Quý Tầm nhìn	60.000.000.000	74.593.307.741
- Phải thu khác	357.521.422	502.948.422
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	27.305.564.714	7.317.649.764
- Phải thu Sở giao dịch	27.256.674.640	7.269.138.572
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	48.890.074	48.511.192
3. Phải thu khác	484.161.457.515	339.346.884.820
- Phải thu tổ chức phát hành (cổ tức, trái tức)	42.820.420.522	44.600.956.072
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.336.602.588	19.567.552.410
- Phải thu lãi sản phẩm tài chính và kinh doanh vốn	-	150.944.442
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu- tiền cọc	427.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu khác	3.004.434.405	2.927.431.896

10. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

Nợ ngắn hạn	Số đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay thấu chi ngân hàng(*)	267.728.021.077	1.592.975.237.053	1.785.861.955.819	74.841.302.311
Vay hạn mức	90.000.000.000		90.000.000.000	-
Cộng	357.728.021.077	1.592.975.237.053	1.875.861.955.819	74.841.302.311

(*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 8% đến 10.8%

11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)

Chi tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	6.659.665.031	4.092.973.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu gốc và lãi trái phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
Dự phòng phải thu khác	(433.300.000)	(9.250.589.058)
cộng	(57.367.546.575)	(66.184.835.633)

13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán	1.723.904.901	2.183.598.269
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc trái phiếu	2.677.419.815	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	600.000.000	425.000.000
Trích trước 1/2 lương tháng 13	3.478.009.825	-
Phải trả khác	7.713.464.332	3.513.809.517
Cộng	16.192.798.873	9.183.790.545

14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.186.951.250	4.040.373.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	116.229.894.057	95.009.400.000
Cộng	120.416.845.307	99.049.773.750

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	30.339.240	5.269.593.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.831.524.117	9.111.512.048
Thuế thu nhập cá nhân	1.112.723.604	3.079.650.025
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	1.385.682.516	409.429.587
Các loại thuế khác	807.096.748	848.665.436
Cộng	15.167.366.225	18.718.850.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 9 tháng đầu năm 2013:**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	416.776.900.597
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cố tức không chịu thuế	(26.189.141.650)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31/12/2012	(177.751.666.748)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30/09/2013	190.158.918.259
- DP phải thu khó đòi - TP Vinashin	(12.000.000.000)
- Lợi nhuận các công ty con	(8.811.884.189)
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	(112.283.894.252)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi hợp nhất	(30.855.514.065)
Hủy lãi lỗ thanh lý công ty liên kết	(2.437.831.803)
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	236.605.886.149
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp 9 tháng đầu năm 2013 công ty mẹ</i>	<i>59.151.471.537</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp 9 tháng đầu năm 2013 công ty con</i>	<i>2.792.795.867</i>
Tổng cộng thuế TNDN ước tính phải nộp 9 tháng đầu năm 2013	61.944.267.404

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	782.951.404.686	672.221.482.487
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	78.779.850.664	239.504.169.800
Cộng	861.731.255.350	911.725.652.287

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	132.765.407	35.910.944
Hợp đồng mua bán chứng khoán	335.539.200.000	17.690.685.976
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	5.380.282.712	1.065.450.092
Phải trả nhà đầu tư – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	1.613.755.721.442	1.114.504.309.449
Các khoản khác	4.061.517.117	7.577.464.209
Cộng	1.958.869.486.678	1.189.788.103.107

18. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, trái tức cho cổ đông và trái chủ SSI	4.932.937.493	3.953.103.066
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	3.390.023.169	521.820.784
Cộng	8.322.960.662	4.474.923.850

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.526.117.420.000	(2.605.677.770)	340.921.476.378	(89.246.186.000)	289.383.181.436	1.127.002.833.821	5.191.573.047.865
Tăng vốn theo QĐ 26/2012/QĐ-CTHQQT ngày 14/11/2012	11.832.000.000		4.022.880.000	-	-	-	15.854.880.000
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ(5% LN sau thuế)					23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ (5% LN sau thuế)					23.214.968.908	(23.214.968.908)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ(3% LN sau thuế)					-	(13.928.981.345)	(13.928.981.345)
Trích thu lao HĐQT & BKS theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ						(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ(2% LN sau thuế)						(9.285.987.563)	(9.285.987.563)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ(1% LN sau thuế)						(4.642.993.782)	(4.642.993.782)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012 theo nghị quyết 01/2013/NQ-DHĐCĐ(10% mệnh giá)						(350.748.034.000)	(350.748.034.000)
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN 2012 theo quyết toán						(932.032.304)	(932.032.304)
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ		(2.205.187.600)					(2.205.187.600)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30.09.2013						350.460.310.073	350.460.310.073
Mua cổ phiếu quỹ				(131.760)			(131.760)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013	3.537.949.420.000	(4.810.865.370)	344.944.356.378	(89.246.317.760)	335.813.119.252	1.050.495.177.084	5.175.144.889.584

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM chấp thuận cho công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ Phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01/12/2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14/3/2012 cho phép công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Trong 9 tháng đầu năm 2013, Công ty có mua 8 cổ phiếu lẻ. Đến thời điểm 30/09/2013 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.908 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	353.794.942	352.611.742
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu phổ thông	353.794.942	352.611.742
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(3.046.908)	(3.046.900)
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.046.908)	(3.046.900)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu phổ thông	350.748.034	349.564.842
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VND)**

Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Cổ tức	11.831.553.150	9.535.152.900
Trái tức	17.267.517.809	17.422.460.274
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	7.177.020.125	8.216.649.047
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	7.966.083.551	27.600.284.984
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	770.080.000	772.660.000
Cộng	45.012.254.635	63.547.207.205

21. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Lãi tiền gửi	77.150.522.994	72.402.338.508
Doanh thu phí ứng trước	1.241.223.623	1.890.084.964
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	14.478.164.257	8.620.705.595
Doanh thu khác	775.621.971	588.368.754
Cộng	93.645.532.845	83.501.497.821

22. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Chi phí môi giới chứng khoán	7.020.891.108	6.420.986.808
Chi phí tự doanh chứng khoán	143.995.365	132.142.870
Chi phí dự phòng	(18.250.940.727)	38.953.332.577
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	39.166.968.722	33.508.564.958
Chi phí lãi vay ngân hàng và mua bán lại trái phiếu chính phủ	177.773.913	745.386.611
Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	2.328.053.103	3.186.639.416
Chi phí khác	36.661.141.706	29.576.538.931
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	58.177.686.451	50.974.700.545
Chi phí nhân viên	28.208.863.973	25.906.408.299
Chi phí vật liệu, VPP, công cụ	1.351.357.915	578.581.813
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.788.377.763	6.347.069.318
Chi phí thuê văn phòng	6.699.210.846	6.728.716.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.746.579.462	10.927.998.315
Chi phí khác	2.383.296.492	485.926.786
Cộng	86.258.600.919	129.989.727.758

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Chi phí nhân viên	2.511.856.139	2.206.209.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.000	
Chi phí dự phòng	-	6.001.250.000
Cộng	2.595.477.389	8.291.065.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Thu nhập khác, chi phí khác (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Quý 3/2012
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	909.090.909	
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	17.656.249.999	
Thu nhập khác	254.140.557	2.353.301
	18.819.481.465	2.353.301
Chi phí khác		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.960.000	
Chi phí khác	4.154.049	6
	6.114.049	6
Cộng	18.813.367.416	2.353.295

25. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 3/2013 (đơn vị tính: VNĐ)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Chủ đầu tư vốn là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty CP Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Transimex-Saigon	Công ty liên kết
CTCP Bibica	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng VN	Công ty liên kết
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Ngân Hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các khoản phải thu :**

Công ty liên quan	Số đầu quý phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý phải thu
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Góp vốn đầu tư	14.999.990.000			14.999.990.000
Phí giao dịch chứng khoán	-	27.765.068	27.765.068	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	227.000.000.000	270.000.000.000	70.000.000.000	427.000.000.000
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	17.656.249.999	17.656.249.999	-
Cty TNHH NDH Việt Nam				
Phí giao dịch chứng khoán	-	53.864.904	53.864.904	-
Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	23.591.017	23.591.017	-
NH ANZ Việt Nam				
Tiền gửi của nhà đầu tư	75.604.333	16.500	10.016.500	65.604.333
Tiền gửi của công ty	1.994.857.356	3.989.577.060	4.354.318.275	1.630.116.141
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	109.043.578.518	3.002.472.748		112.046.051.266
Phí dịch vụ	480.000.000	369.700.000	849.700.000	-
Cty CP Hùng Vương				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	462.683.158.088	4.658.544.590	4.733.293.596	462.608.409.082
Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	78.565.770.398	140.240.147	75.735.183	78.630.275.362
Cty CP Giống cây trồng Trung ương				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	62.156.087.315	4.739.007.433	6.019.269.000	60.875.825.748
Cty CP Giống cây trồng Miền Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	62.305.639.147	4.199.542.408	3.005.772.000	63.499.409.555
Công ty CP chế biến hàng xuất khẩu Long An				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	18.989.215.638	1.221.626.634		20.210.842.272
Cty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương tp HCM (Transimex-Saigon)				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	118.699.547.606	6.399.646.863		125.099.194.469
Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	122.434.936.711	1.036.056.948		123.470.993.659
Cty CP Bibica				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	94.846.154.231	2.177.494.483		97.023.648.714
Cty CP Khử trùng Việt Nam				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	114.517.053.881	4.738.610.163	2.656.684.000	116.598.980.044
Cty CP Thủy sản Bến Tre				
Cổ tức nhận được	-	1.641.180.000	1.641.180.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải trả :

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời				
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	260.722.208.333	232.522.208.333	28.200.000.000
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	22.208.333	22.208.333	-
Tiền thuê mặt bằng	-	4.237.283.416	4.237.283.416	-
Cty CP Thuỷ sản Hùng Vương				
Ứng mua chứng khoán	36.825.000.000			36.825.000.000
Cty CP Xuyên Thái Bình				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000			50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	-	30.000.000		30.000.000
Chi phí thuê kho và dịch vụ	150.251.277	194.718.876	344.970.153	-
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam				
Đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	580.848.734	5.733.657	586.582.391	-
Lãi tiền đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán	2.589.939	5.941.203	8.531.142	-
Cty CP Thuỷ sản Bến Tre				
Ứng trước phí tư vấn	50.000.000			50.000.000
Công ty TNHH NDH Việt Nam				
Trả cổ tức bằng tiền	-	28.705.036.000	28.705.036.000	-
Ngân Hàng ANZ				
Trả cổ tức bằng tiền	-	61.934.420.000	61.934.420.000	-
Daiwa Securities Group Inc				
Trả cổ tức bằng tiền	-	35.471.420.000	35.471.420.000	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn				
Trả cổ tức bằng tiền	-	5.227.720.000	5.227.720.000	-
Ông Nguyễn Hồng Nam (trả cổ tức)	-	15.771.968.000	15.771.968.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong Quý 3/2013 là 2.649.939.008 đồng (bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

TPHCM, ngày 21 tháng 11 năm 2013

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy



TPHCM, ngày 21 tháng 11 năm 2013

Nguyễn Hồng Nam